

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Hà Quang Văn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐ-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đinh Đức M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị L có mặt, anh M vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Đinh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và Anh Đinh Đức M kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 20/11/2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh M tại Thôn Đ, xã C. Chị xác định hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, thường

xuyên cãi chửi nhau. Hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại Thôn Đ, xã C, anh chị đã ly thân từ tháng 1/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Mtrầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Mđể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Mcó 01 con chung là cháu Đinh Đức Thsinh ngày 05/01/2019, hiện cháu đang ở với anh Mvà ông bà nội của cháu. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn với anh Mchị xin tiếp tục được nuôi cháu, không yêu cầu anh Mcấp dưỡng nuôi con chung.

**Ý kiến của bị đơn Anh Đinh Đức M thể hiện tại bản tự khai và các biên bản lập tại Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cụ thể:** Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị Ltrình bày là đúng. Theo anh vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Lkhông quan tâm đến chồng và gia đình. Anh xác định anh và chị Lđã ly thân. Nay chị Lxin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Lcó 01 con chung là cháu Đinh Đức Thsinh ngày 05/01/2019, hiện cháu đang ở với anh, anh không đồng ý cho chị Lnuôi cháu Thịnh, vì chị Lđi làm suốt ngày, con cái không ai trông để cho ông bà nội trông. Nếu Tòa án giao cháu Thịnh cho chị Lnuôi thì chỉ có mẹ chị Lchăm sóc cháu, chứ nhà chị Lkhông còn ai khác. Nếu giao cho anh nuôi thì anh đi làm còn để cháu Thịnh cho bố mẹ anh trông nom và chăm sóc và anh trai của anh chưa lấy vợ cũng có thể chăm sóc cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Nđã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của Chị Đinh Thị L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nđã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Trong quá trình hòa giải các bên đã không thống nhất được việc nuôi con chung sau khi ly hôn vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện Nthụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Bị đơn không có mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị L. Xử lý hôn giữa Chị Đinh Thị L và Anh Đinh Đức M.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Đinh Đức Thsinh ngày 05/01/2019, hiện đang ở với anh Mạnh, cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. *Về án phí ly hôn:* Chị Đinh Thị L thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

##### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của anh chị xảy ra xung đột và kéo dài nhiều năm nay, hai bên đã ly thân. Cả hai bên cũng bày tỏ nguyện vọng không muốn đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh M là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: chị L và anh M có 01 con chung là cháu Đinh Đức Thsinh ngày 05/01/2019, hiện đang ở với anh Mạnh. Nguyên vọng của cả hai bên đều xin được trực tiếp nuôi cháu Thịnh. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cả chị L và anh M đều khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Thịnh tính đến ngày xét xử mới được hơn 2 tuổi, cháu đang ở độ tuổi còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Mặt khác anh M thường xuyên đi làm ăn xa không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dạy cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Thịnh nên giao cháu Thịnh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do chị L là người dân tộc sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị L.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị L. Xử lý hôn giữa Chị Đinh Thị L và Anh Đinh Đức M.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Đức Th sinh ngày 05/01/2019 (Hiện đang ở với anh M) cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu

đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho Chị Đinh Thị L.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh Đinh Đức M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương Quỳnh**